

## TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

# VÀI NÉT VỀ LẬP TRƯỜNG CỦA TÒA THÁNH VATICAN ĐỐI VỚI CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT NAM (1954-1975)

NGUYỄN QUANG HUNG<sup>(\*)</sup>

**M**ặc dầu chiến tranh Việt Nam kết thúc cách đây ba thập kỉ, nhưng nhiều vấn đề của nó vẫn cần tiếp tục làm sáng tỏ, trong đó có lập trường của Tòa Thánh Vatican đối với cuộc chiến này. Dựa trên các nguồn tư liệu trong và ngoài nước,<sup>(1)</sup> bài viết tập trung làm rõ hai vấn đề: Thứ nhất, tuy thân phương Tây trong thời kì chiến tranh lạnh, nhưng lập trường của Tòa Thánh Vatican vẫn có sự độc lập nhất định đối với Mỹ trong vấn đề chiến tranh Việt Nam. Thứ hai, lập trường của Tòa Thánh Vatican ngoài những mặt tiêu cực, ở nhiều trường hợp còn có một số tác động tích cực nhất định đối với lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954-1975.

## I. VÀI NÉT VỀ LẬP TRƯỜNG CỦA TÒA THÁNH VATICAN ĐỐI VỚI CHIẾN TRANH VIỆT NAM THỜI KÌ CÁC GIÁO HOÀNG PIO XII (1939-1959) VÀ GIOAN XXIII (1959-1963)

Nhìn chung, quan điểm của Tòa Thánh Vatican (sau đây viết tắt là Toà Thánh) đối với các vấn đề quốc tế, trong đó có chiến tranh Việt Nam thể hiện tính hai mặt. Một mặt, sau Cách mạng tháng Mười Nga, đặc biệt sau Đại chiến thế giới II, Tòa Thánh Vatican lo ngại về sự lớn mạnh của chủ nghĩa cộng sản, do vậy có lập trường thân phương Tây. Dầu sao,

phương Tây tư bản chủ nghĩa vẫn là một đồng minh truyền thống của Giáo hội Công giáo. Các mối liên hệ giữa sự truyền giáo với các nước thực dân là điều không thể phủ nhận. Lập trường chống cộng của Tòa Thánh đã được khẳng định rất rõ trong sắc chỉ *Divini Redemptoris* do Giáo hoàng Pio XI ban hành năm 1937, trong đó có đoạn: “Chủ nghĩa cộng sản hiện nay che phủ một ý tưởng giải thoát sai lầm hơn bất cứ phong trào nào trong lịch sử. Toàn cục học thuyết đó nung nấu một lí tưởng sai lầm về chính nghĩa, về công bằng và tình bác ái cộng với một thứ chủ nghĩa thần bí nào đó. Bằng những lời hứa hảo huyền, nó chinh phục quần chúng, lôi cuốn họ vào những phong trào nhiệt huyết bằng lòng hăng hái nhiệt tâm<sup>(2)</sup>. Nhưng mặt khác, các vị Giáo hoàng còn là những người yêu hòa bình. Từ hàng thế kỉ nay, các tổ chức Giáo hội luôn là những người đi đầu trong các phong trào phản đối chiến tranh, đòi tự do công lí và thực thi những giá trị nhân đạo. Một số

\*. TS., Khoa Triết học, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Tác giả bài viết này đã có dịp đến Thư viện của Vatican, nhưng đáng tiếc theo quy định của Tòa Thánh, chưa được phép tham khảo văn khố của Tòa Thánh về giai đoạn lịch sử này.

2. Pio XI. *Divini Redemptoris*, Rundschreiben ueber den atheistischen Kommunismus, Paulus Verlag, Recklinghausen, 1937, S. 5.

lớn các hoạt động từ thiện, hoạt động cứu trợ trên thế giới là của các tổ chức tôn giáo, trong đó có Giáo hội Công giáo.

Bên cạnh đó, lập trường của Tòa Thánh còn phụ thuộc nhiều vào nhân quan của từng vị Giáo hoàng. Nếu như đối với Giáo hoàng Pio XII chống cộng được coi là một tín điều<sup>(3)</sup>, thì đến Giáo hoàng Gioan XXIII, đặc biệt sau sự kiện Tòa Thánh làm trung gian giữa Mỹ và Liên Xô trong việc giải quyết cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cuba, Vatican có thái độ cởi mở hơn, bắt đầu có các cuộc đối thoại với các nước xã hội chủ nghĩa. Sau Mỹ, trong những năm 1950, việc một số nước trong đó có Liên Xô và Trung Quốc chế tạo thành công vũ khí nguyên tử khiến Tòa Thánh hiểu rằng giờ đây chiến tranh chỉ có thể là chiến tranh huỷ diệt, do vậy phải ngăn chặn nguy cơ chiến tranh thế giới bằng mọi giá.

Chiến tranh Việt Nam diễn ra trong thời kỳ trị vì của ba vị Giáo hoàng. Dưới thời Giáo hoàng Pio XII không thể có sự thoả hiệp, bắt tay với chủ nghĩa cộng sản. Từ sau khi Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập tháng 10/1949, Tòa Thánh công khai ủng hộ Pháp, chống lại Chính phủ Hồ Chí Minh. Tháng 7 năm đó, Giáo hoàng Pio XII ban hành Sắc chỉ nhắc lại nội dung cơ bản của Sắc chỉ *Divini Redemptoris* cấm người Công giáo Việt Nam không được hợp tác với những người cộng sản. “Chủ nghĩa cộng sản là duy vật và chống lại Đức Kitô. Cả khi những nhà lãnh đạo cộng sản trên lời nói đảm bảo rằng họ không chống tôn giáo, thì bằng học thuyết và hành động của họ cũng cho thấy họ là kẻ thù của Chúa, kẻ thù của tôn giáo chân chính và Giáo hội Đức Kitô”<sup>(4)</sup>. Trước khi sang Việt Nam, tướng De Lattre de Tassigny được Pio XII chúc phúc. Tháng 2/1950, Tòa Thánh công nhận chính quyền Bảo Đại do Pháp

dựng lên. Khâm sứ John Dooley, người có lập trường chống cộng cực đoan, được cử sang thay thế Drapier. Người Việt Nam biết nhiều về vị Khâm sứ này sau sự kiện Thư chung 1951 chống chủ nghĩa cộng sản vô thần, cấm người Công giáo Đông Dương không được hợp tác với những người kháng chiến dưới bất kì hình thức nào.

Lập trường trên đây của Tòa Thánh thời kỳ Giáo hoàng Pio XII có ảnh hưởng đáng kể tới Giáo hội Công giáo Việt Nam khi đó bởi phần lớn những người đứng đầu Giáo hội nằm trong tay các thừa sai người Âu. Một số chức sắc tôn giáo Việt Nam mặc dầu có tinh thần yêu nước, nhưng vì chịu ảnh hưởng của việc thổi phồng sự đối trọng vô thần - hữu thần đã bất hợp tác với chính phủ Hồ Chí Minh<sup>(5)</sup>.

Sau Hiệp định Giơnevơ, Tòa Thánh ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm xuất phát từ lợi ích cả về phương diện tôn giáo và chính trị. Về phương diện tôn giáo, Tòa Thánh không muốn một Việt Nam bị chia cắt, vì nó sẽ dẫn tới Giáo hội Công giáo cũng bị chia cắt và điều này sẽ làm suy giảm sức mạnh của Giáo hội, đẩy dần chiến tới chỗ phải sống cảnh người Nam kẻ Bắc. Nhưng mặt khác, dưới con mắt của Toà Thánh, lần đầu tiên sau mấy thế kỉ truyền giáo, một nửa nước Việt Nam được lãnh đạo bởi một vị tổng thống

3. Giáo hoàng Pio XII là người ban đầu phản đối Đức quốc xã tiến hành Chiến tranh thế giới II. Nhưng về sau vì e ngại chủ nghĩa cộng sản, nên vị Giáo hoàng này ủng hộ việc phát xít Đức tiến công Liên Xô, coi đó như sự thực hiện tiên tri của Đức Mẹ Fatima.

4. Pius XII. *Dekret des Heiligen Offiziums vom 1. Juli 1949*. In: *Die Vatikanische Erlasse gegen den atheistischen Kommunismus*, Imprimatur Nr. 402/2-518/51. 1951.

5. Hương Khê. *Người Việt Nam Công giáo với Cách mạng mùa Thu 1945*. Trong: *Công giáo và Dân tộc*, số 57. tháng 9 năm 1999, trong đó có đề cập đến trường hợp Giám mục Lê Hữu Từ.

người Công giáo sùng đạo. Về phương diện chính trị, chính quyền Ngô Đình Diệm được những người theo chủ thuyết Đôminô coi là cái barie ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản xuống khu vực Đông Nam Á.

Do vậy, sự ủng hộ của Giáo hội Công giáo đối với chính quyền Ngô Đình Diệm là điều dễ hiểu. Hồng y Spellman là người bắc cầu nối giữa Ngô Đình Diệm và chính quyền Mỹ. Như Josep Buttinger nhận xét: “Hồng y Spellman, người mà Diệm được biết do sự giới thiệu của anh mình [Giám mục Ngô Đình Thục-NQH] có lẽ là người Mỹ đầu tiên có tư tưởng cho rằng chính quyền Việt Nam phải được lãnh đạo bởi Ngô Đình Diệm, một người Công giáo”<sup>(6)</sup>. Vị Hồng y này còn là một thành viên Hội “The American Friends of Vietnam” được thành lập năm 1955 làm hậu thuẫn cho chính quyền Ngô Đình Diệm<sup>(7)</sup>. Đương nhiên, Spellman không thể làm mưa làm gió trong chính trường Mỹ và Việt Nam những năm 1950 nếu như vị Hồng y này không phải là cánh tay đắc lực của Giáo hoàng Pio XII<sup>(8)</sup>.

Tuy không chủ động, nhưng Tòa Thánh đã thờ ơ, tạo điều kiện để nhiều chức sắc trong Giáo hội tại Việt Nam đứng ra vận động, cưỡng ép người Công giáo di cư vào Nam. Theo Trần Tam Tỉnh, năm 1952, Tòa Thánh có chỉ thị cho phép các giáo sư thần học và chủng sinh di cư trong trường hợp người Pháp thất bại. Rút kinh nghiệm việc nhiều chức sắc Công giáo Trung Quốc chạy theo Tưởng Giới Thạch sau cách mạng 1949 khiến nhiều con chiên ở lại đại lục không có chủ chăn, Tòa Thánh không khuyến khích các chức sắc trong Giáo hội Việt Nam di cư<sup>(9)</sup>. Tuy nhiên, qua những hoạt động của Khâm sứ John Dooley, nhất là Hồng y Spellman, người thân cận với Pio XII, đối với cuộc di cư, ta có thể gián tiếp đánh giá

lập trường của Tòa Thánh về vấn đề này. Nếu thiếu lực lượng hậu thuẫn của người miền Bắc di cư, mà số đông là người Công giáo, chính quyền Ngô Đình Diệm đã khó lòng trụ nổi trước sự chống đối của các lực lượng thân Pháp, cụ thể là các lực lượng Hoà Hảo, Cao Đài, Bình Xuyên và lực lượng của tướng Nguyễn Văn Hinh trong thời kì trứng nước của chính quyền này<sup>(10)</sup>. Vatican là một trong những quốc gia đầu tiên công nhận chính quyền Ngô Đình Diệm ngày 7/12/1955. Tòa Thánh cử Giám mục Josep Caprio sang làm Khâm sứ tại Sài Gòn. Chủ chương “Công giáo hoá” miền Nam trong 8 năm tồn tại của chính quyền Ngô Đình Diệm không nằm ngoài ý muốn của Vatican. Tòa Thánh làm ngơ việc một số chức sắc Giáo hội, nhất là Giám mục Ngô Đình Thục bất chấp giáo luật làm mưa làm gió trong chính trường miền Nam.

6. Joseph Buttinger. *Vietnam, a political history*, Preager Publishers, New York/Washington, 1969, p. 385.

7. Hội “The American Friends of Vietnam” gồm nhiều nhân vật có tên tuổi trong chính quyền Mỹ. Ngoài Hồng y Spellman còn có Bộ trưởng ngoại giao John Foster Dulles, TS. Wesley Fishel, Joseph Kennedy và con trai ông ta, các nghị sĩ Mike Mansfield, Lyndon Johnson, Eugene McCarthy, John Kennedy, Richard Nixon và Chánh án Tòa án tối cao William Douglas.

8. Dưới thời Giáo hoàng Pio XII, Hồng y Spellman được ví là “The American Pope” (xem: John Cooney. *The American Pope*, New York, 1984). Dưới thời các Giáo hoàng kế nhiệm Gioan XXIII, nhất là dưới thời Paul VI, vai trò của Spellman bị lu mờ. Paul VI giữ khoảng cách với vị Hồng y trong những vấn đề về hòa bình.

9. Trần Tam Tỉnh. *Thập giá và lưỡi gươm*, Tp. Hồ Chí Minh, 1990, tr. 100.

10. Spellman ủng hộ Ngô Đình Diệm trước hết vì lập trường chống cộng của anh em nhà Ngô phục vụ lợi ích của Mỹ. Vị Hồng y đã bỏ rơi Ngô Đình Diệm khi Mỹ muốn thay ngựa giữa dòng. Hai năm sau ngày Ngô Đình Diệm bị giết hại, Spellman thừa nhận rằng Hồng y biết trước kế hoạch đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm, nhưng đã không làm gì để cứu anh em họ Ngô. John Cooney. *The American Pope*, New York, 1984, p. 245.

Mặt khác, sự ủng hộ của Tòa Thánh đối với chính quyền Ngô Đình Diệm không phải lúc nào cũng dứt khoát. Đây là điều từ bấy lâu nay ít được giới nghiên cứu chú ý. Sự không dứt khoát của Vatican xuất phát từ hai lí do. *Thứ nhất*, trong 8 năm tồn tại, chính quyền của anh em họ Ngô trải qua 3 vị Giáo hoàng, Pio XII, Gioan XXIII và Paul VI. Mỗi vị có cách nhìn nhận vấn đề riêng đối với tình hình Việt Nam. Thêm vào đó, những năm đầu thập kỉ 1960 có sự thay đổi về lập trường của Tòa Thánh đối với nhiều vấn đề. Tòa Thánh có cách nhìn cởi mở hơn, mềm dẻo hơn đối với nhiều vấn đề tôn giáo và quan hệ quốc tế. *Thứ hai*, do sự biến chuyển của tình hình Việt Nam từ sau Hiệp định Giơnevơ tới đầu những năm 1960, chính quyền Ngô Đình Diệm với chính sách cai trị cực đoan ngày càng mất chỗ dựa trong dân chúng. Ngay trong hàng ngũ những người thân cận của chế độ này, cả Mỹ và các tướng tá của chính phủ Việt Nam Cộng hoà, lại là lực lượng lật đổ chính quyền họ Ngô trong cuộc đảo chính ngày 1/11/1963.

Sự ủng hộ có mức độ của Tòa Thánh thể hiện ở chỗ không phải nguyện vọng nào của chính quyền Ngô Đình Diệm cũng được Vatican đáp ứng. Giữa Sài Gòn và Vatican không thoả thuận được quy chế ngoại giao. Thay vào thiết lập quan hệ ngoại giao như chính quyền Ngô Đình Diệm mong muốn, Tòa Thánh chỉ thiết lập Tòa lãnh sự quán tại Sài Gòn<sup>(11)</sup>. Việc bổ nhiệm không phải Giám mục Ngô Đình Thục, mà là Giám mục Nguyễn Văn Hiền làm người kế nhiệm Giám mục Franxoa Cassaigne năm 1955 ở Sài Gòn cũng nằm ngoài mong muốn của anh em họ Ngô. “Diệm muốn bổ nhiệm Thục làm Tổng Giám mục Sài Gòn, nhưng Vatican đã từ chối bởi điều đó như một sự xác nhận trước công luận về sự ủng hộ của Vatican đối với chính quyền Diệm”<sup>(12)</sup>.

Việc này sau đó đã gây ra quan hệ khá căng thẳng giữa Tòa Thánh với chính quyền Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn phản ứng tới mức không chấp thuận việc bổ nhiệm này, ngăn cản công việc của Giám mục Hiền, phong toả mọi liên hệ giữa vị Giám mục này với Tòa Thánh. Để trả đũa Tòa Thánh, chính quyền Ngô Đình Diệm thậm chí đã bắt giam Giám mục Paul Sietz ở địa phận Kon Tum vì vị này đã có một số chỉ trích chính quyền họ Ngô. Anh em họ Ngô còn đưa ra yêu cầu tất cả các chức sắc của Giáo hội Công giáo Châu Âu khi tới miền Nam đều phải đến thề nguyện người đứng đầu chính quyền Việt Nam Cộng hoà. Cuối cùng, Tòa Thánh đành nhượng bộ, điều Giám mục Hiền lên coi sóc địa phận Đà Lạt và bổ nhiệm Nguyễn Văn Bình làm Tổng Giám mục Sài Gòn. Giám mục Ngô Đình Thục được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục Huế.

Như vậy, ở thời kì mà Ngô Đình Diệm còn được sự hậu thuẫn của Mỹ, sự ủng hộ của Tòa Thánh đối với chính quyền Sài Gòn cũng có giới hạn nhất định. Bản thân việc bổ nhiệm Giám mục Nguyễn Văn Bình là người gốc miền Nam, có thái độ chính trị chính trị thích hợp hơn đã thể hiện sự tích cực, tinh táo của Toà thánh. Ước vọng của anh em họ Ngô muốn Giám mục Ngô Đình Thục làm Đức Hồng y đầu tiên của Việt Nam đã không bao giờ trở thành hiện thực<sup>(13)</sup>. Trong khi anh em họ Ngô tin dùng người

11. Năm 1925, Tòa Thánh thiết lập Tòa Khâm sứ với chính quyền thuộc địa ở Đông Dương. Sau 1954, do Việt Nam tạm thời bị chia cắt, Khâm sứ John Dooley vẫn thực thi trách nhiệm ở Hà Nội đến 1959. Tòa lãnh sự ở Sài Gòn thực chất làm nhiệm vụ của một Đại sứ quán, nhưng về danh nghĩa, vẫn chỉ là lãnh sự quán.

12. Adam Land. *Ngo Đình Thục*. In: Kulter I Stanley. *Encyclopedia of the Vietnam War*, New York, 1966, p. 360.

13. Ngay những người đứng đầu nhóm Công giáo Phát Diệm di cư như Giám mục Lê Hữu Từ, Linh mục Hoàng Quỳnh cũng có những bất mãn với anh em họ Ngô.

Công giáo miền Bắc di cư thì Tòa Thánh xuất phát từ những vấn đề nội bộ Giáo hội và cộng đồng Kitô hữu miền Nam sau 1954, muốn có sự công bình trong tương quan giữa những người Công giáo gốc Bắc và gốc Nam.

## II. GIÁO HOÀNG PAUL VI VÀ CUỘC CHIẾN Ở VIỆT NAM

Lập trường trên đây của Tòa Thánh trong các vấn đề quốc tế được tiếp tục duy trì bởi Giáo hoàng Paul VI. Về chiến tranh Việt Nam, lập trường đó còn phụ thuộc vào mối quan hệ tam giác Vatican - Mỹ - Pháp trong từng giai đoạn cụ thể. Sự ủng hộ có giới hạn của Tòa Thánh đối với chính quyền Ngô Đình Diệm càng thể hiện rõ ở giai đoạn cuối của chế độ này từ sau khi nổ ra cuộc khủng hoảng Phật giáo mùa hè năm 1963.

Xuất phát từ sự thiếu tin tưởng ở “lập trường chống Cộng” của Phật giáo và với việc bản thân là người Công giáo, anh em họ Ngô ít nhiều có sự thiên vị đối với Công giáo, với các tướng tá, quan chức người Công giáo. Điều này từ lâu gây nên sự bất bình của các lực lượng Phật giáo. Cuộc khủng hoảng xảy ra khi chính quyền Ngô Đình Diệm cấm treo cờ Phật giáo trong dịp Lễ Phật Đản 8/4 (ÂL) năm 1963. Lúc này, Giáo hoàng Gioan XXIII mới mất và ngày 30/6/1963, Giáo hoàng Paul VI trở thành người kế nhiệm. Vatican không đồng tình với việc anh em họ Ngô dùng bạo lực đàn áp các phong trào Phật giáo. Trong bài diễn thuyết gửi sinh viên Việt Nam ngày 3 tháng 8/1963, Giáo hoàng Paul VI kêu gọi chính quyền Ngô Đình Diệm nên có thái độ khoan dung, mềm dẻo đối với các Phật tử. Lời kêu gọi này được nhắc lại trong Thông điệp của Ngài gửi nhân dân Việt Nam ngày 30/8/1963. Giáo hoàng bày tỏ sự quan ngại sâu sắc đối với những sự kiện đẫm máu do sự đàn áp Phật tử và đề

ngợi cả hai bên, chính quyền Ngô Đình Diệm và Giáo hội Phật giáo tìm kiếm một giải pháp hòa bình cho cuộc khủng hoảng. Tòa Thánh hi vọng “tất cả mọi người hợp tác một cách có hiệu quả và cùng tôn trọng đối với tự do của mỗi công dân, xây dựng sự đồng thuận và hữu ái giữa các bên”<sup>(14)</sup>.

Mặc dầu vậy, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn phớt lờ đề nghị của cả Tòa Thánh và chính quyền Kennedy, từ ngày 20/8/1963 dùng quân đội trấn áp phong trào Phật tử, bao vây chùa chiền, cúp điện, nước tại các chùa, làm cho quan hệ hai bên càng căng thẳng. Trong một bài viết gửi Tòa Tổng Giám mục Sài Gòn ngày 20 tháng 9/1963, Giáo hoàng Paul VI đề nghị các Giám mục miền Nam Việt Nam hãy đứng ngoài, không can thiệp, tránh làm căng thẳng tình hình.

Vatican không đồng tình với chính quyền Sài Gòn trong việc giải quyết khủng hoảng Phật giáo, một mặt, vì việc chính quyền Ngô Đình Diệm dùng bạo lực đàn áp Phật tử đã gây lên sự phản đối không chỉ ở Mỹ, mà cả cộng đồng quốc tế. Những đồng minh của Ngô Đình Diệm cũng không tán thành với cách giải quyết cuộc khủng hoảng bằng bạo lực. Mặt khác, cuộc khủng hoảng Phật giáo diễn ra khi Vatican đang ở giai đoạn chuyển đổi, hướng tới nhãn quan cởi mở đối với các tôn giáo khác, kể cả với các tổ chức và phong trào mác xít và vô thần ở Châu Âu được thể hiện trong Công đồng Vatican II.

Từ hai lí do trên, sự lãnh đạm của Vatican đối với chính quyền Ngô Đình Diệm từ mùa hè năm 1963 là điều có thể

14. *Informations Catholiques Internationales*, ngày 1 tháng 9 năm 1963. Dẫn theo: Piero Gheddo. *Die Katholiken und Buddhisten in Vietnam*, Muenchen, 1970, tr. 204. Về những thông điệp của Giáo hoàng Paul VI gửi Phật tử miền Nam, xem thêm: *Osservatore Romano*, ngày 4 và 31 tháng 8/1963.

hiếu được. Tại cuộc gặp giữa Giáo hoàng Paul VI và Tổng thống John Kennedy ngày 3/7/1963, vấn đề chính quyền Sài Gòn không có trong chương trình nghị sự, dấu lúc này quan hệ giữa chính quyền Kennedy với anh em họ Ngô khá căng thẳng. Cuối tháng 8 đầu tháng 9/1963, tất cả các Giám mục miền Nam được triệu tập tới Vatican, mặc dầu các khoá họp của Công đồng Vatican II đến 18 tháng 9 mới bắt đầu<sup>(15)</sup>. Lí do đơn giản: Tòa Thánh không muốn họ can dự vào cuộc khủng hoảng Phật giáo. Tháng 9/1963, Tòa Thánh cử người sang thay Khâm sứ Brini ở Sài Gòn ngoài lí do mãn hạn, có thể còn do Tòa Thánh không muốn can thiệp sâu vào quan hệ giữa chính quyền Kennedy và anh em họ Ngô. Tòa Khâm sứ đã được Tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn thông báo về kế hoạch lật đổ Ngô Đình Diệm trước khi cuộc đảo chính bắt đầu, nhưng đã không làm gì để cứu vãn tình hình<sup>(16)</sup>. Mặc dầu cả Khâm sứ và Cabot Lodge đều bối rối trước cái chết của anh em Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu, nhưng nỗ lực của họ cứu Ngô Đình Cẩn khỏi án tử hình cũng nửa vời.

Sự không nhất quán của Vatican trong quan hệ với chính quyền Ngô Đình Diệm cho thấy Tòa Thánh có quan điểm độc lập nhất định trong các vấn đề quốc tế. Trong khi chính quyền Mỹ ủng hộ Ngô Đình Diệm trước hết là vì lập trường chống cộng của anh em họ Ngô, thì Tòa Thánh trước tiên lại quan tâm tới khía cạnh truyền giáo. Nếu như chính quyền Kennedy chủ trương thay Ngô Đình Diệm khi thấy lợi ích chính trị của mình chưa được đáp ứng thoả đáng, thì Vatican lãnh đạm với Ngô Đình Diệm ở giai đoạn quyết định sự tồn vong của chế độ này xuất phát từ những lí do tôn giáo, ít nhiều mang tính nhân đạo. Vì thế, sự ủng hộ của Tòa Thánh đối với chính quyền Ngô

Đình Diệm là điều không thể phủ nhận, nhưng có giới hạn nhất định<sup>(17)</sup>.

Nếu như sự ủng hộ của Tòa Thánh đối với chính quyền Ngô Đình Diệm được coi là không dứt khoát, thì lập trường của Vatican đối với chiến tranh Việt Nam từ cuối những năm 1960 càng thể hiện tính nước đôi (ambivalent). Một mặt, Tòa Thánh ủng hộ mọi chính thể tôn trọng tự do tôn giáo thực sự, đồng thời là cái barie ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam và cả Đông Nam Á. Cái gọi là “miền Nam Việt Nam tự do” đảm bảo cả hai điều kiện trên. Nhưng mặt khác, chiến tranh Việt Nam cũng như mọi cuộc chiến tranh trên thế giới không phải là mong muốn của Giáo hội Công giáo bởi nạn nhân chiến tranh chủ yếu vẫn là dân thường. Do vậy, khác với quan điểm của các bên tham chiến chỉ chấp nhận “hòa bình có điều kiện”, Tòa Thánh kêu gọi “hòa bình bằng mọi giá” cho Việt Nam<sup>(18)</sup>. Nhân dịp Giáng sinh, ngày

15. Công đồng Vatican II được khai mạc tháng 10 năm 1962. Nó bao gồm nhiều phiên họp, kéo dài, trong đó Giáo hội Công giáo thảo luận hàng loạt các vấn đề trọng yếu của Giáo hội. Do Giáo hoàng Gioan XXIII mất, các khóa họp của Công đồng tạm ngừng, đến 18 tháng 9/1963, được tiếp tục.

16. Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 1990, tr. 140-142. Cao Văn Luận. *Bên dòng lịch sử*, Sài Gòn, 1972, tr. 370. Linh mục Cao Văn Luận là người sáng lập Đại học Quốc học Huế, nguyên Hiệu trưởng đầu tiên của trường này, là người gần gũi với anh em Ngô Đình Diệm.

17. Vì điều này, nên Giám mục Ngô Đình Thực trong thời gian lưu vong ở nước ngoài đã tỏ sự bất mãn với Giáo hoàng Paul VI. Ông đã phong Giám mục cho một số linh mục bất hợp tác với Tòa Thánh và do vậy, bị rút phép thông công. Đến 1984, Ngô Đình Thực được Giáo hoàng Gioan Paul II tiếp nhận trở lại Giáo hội.

18. Trong khi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chỉ chấp nhận hòa bình khi Mỹ rút quân khỏi Việt Nam, thống nhất đất nước thì Mỹ và chính quyền Sài Gòn chỉ chấp nhận hòa bình ở Việt Nam khi chủ nghĩa cộng sản ở đây bị đẩy lùi. Thắng lợi quân sự của bên này đối với phía bên kia được coi là điều kiện đảm bảo hòa bình.

19/12/1965, trong Thông điệp gửi các Kitô hữu lần đầu tiên Giáo hoàng Paul VI bày tỏ lập trường của mình về chiến tranh Việt Nam, trong đó có đoạn: “Cuộc chiến ở Việt Nam ngày càng nghiêm trọng và đẫm máu. Số lượng người tham chiến không ngừng tăng, kéo theo đó là số thương vong cũng ngày càng lớn, bao nhiêu người di tản thì lương và nguy cơ xung đột ngày càng lan rộng (...). Những đứa con yêu quý hãy liên kết lại cầu cho hi vọng: rằng Đức Mẹ, cùng Đức Kitô, tâm điểm của Giáng sinh hãy được coi như Đức Mẹ, Nữ hoàng của hòa bình, Regina Pacis”<sup>(19)</sup>.

Ngày 1/1/1966, Giáo hoàng Paul VI cho công bố bức thư gửi những người đứng đầu chính phủ miền Bắc và miền Nam Việt Nam, Liên Xô và Trung Quốc, đề nghị họ cùng tìm kiếm một giải pháp hòa bình cho Việt Nam. Trong đó, Giáo hoàng nhấn mạnh với Chủ tịch Mao Trạch Đông rằng sự can thiệp của Trung Quốc như một sự đáp trả việc leo thang chiến tranh của Tổng thống Lyndon Johnson chỉ làm cho cuộc chiến ở Việt Nam rối thêm. Những đề xuất này của Paul VI được nhắc lại trong Thông điệp Giáng sinh năm 1966 gửi tất cả Kitô hữu toàn thế giới. Kế tiếp đó, ngày 8/2/1967, Giáo hoàng Paul VI gửi thư tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và Tổng thống Lyndon Johnson kêu gọi các bên ngừng bắn trong dịp Tết năm 1967. Trước chuyến đi tới nơi hành hương Fatima ở Bồ Đào Nha tháng 5/1967, người đứng đầu Tòa Thánh cũng có buổi cầu nguyện cho hòa bình ở Việt Nam.

Một trong những động thái mang tính quyết định của Tòa Thánh liên quan đến chiến tranh Việt Nam nửa cuối những năm 1960 là các cuộc tiếp xúc giữa Giáo hoàng Paul VI và Tổng thống Johnson. Trong nhiệm kỳ của mình, Tổng thống

Lyndon Johnson có 3 lần gặp Giáo hoàng Paul VI. Tại cuộc gặp lần thứ hai ngày 23/12/1967 ở Vatican, họ đã có cuộc trao đổi lâu về chiến tranh Việt Nam. Tòa Thánh không đồng tình với việc leo thang chiến tranh của Mỹ và đặc biệt phê phán việc Mỹ ném bom miền Bắc Việt Nam. Giáo hoàng Paul VI nói với Tổng thống Mỹ như sau: “Tôi buộc phải có lập trường khác với Ngài mặc dầu rất hiểu thiện chí của Ngài và những tin tưởng của Ngài (...) Tôi muốn có một sự đồng thuận giữa những thỏa thuận của tôi với những mong muốn của Ngài, nhưng Ngài cũng phải hiểu rằng không bao giờ tôi lại có thể đồng ý với chiến tranh”<sup>(20)</sup>.

Tuy vậy, tại cuộc gặp này Giáo hoàng Paul VI và Tổng thống Lyndon Johnson cùng thống nhất là nên hòa đàm với Hà Nội. Theo đề nghị của Tổng thống Johnson, Giáo hoàng Paul VI đứng ra làm trung gian giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong những vấn đề về tù binh chiến tranh. Về sau, Tổng thống Lyndon Johnson kể lại trong hồi ký của ông như sau: “Tôi cùng Giáo hoàng Paul VI chia sẻ nhiều nỗ lực mà chúng tôi đã làm để thúc đẩy Hà Nội tới hòa đàm hoặc là giảm số thương vong cho cả hai bên (...) Tôi kêu gọi Đức Thánh Cha làm một cái gì đó mà Ngài có thể đối với các tù binh, hoặc là thu lượm thông tin về hiện trạng của họ ở miền Bắc Việt Nam hoặc có thể trả tự do cho họ xuất phát từ những lí do nhân đạo. Tôi hứa với Ngài rằng chúng tôi cùng hợp tác với bất kể

19. Insegnamenti di Paulo VI, 1965, Indice delle materie contenute nei primi dodici volume di Insegnamenti de Paulo VI, 1963-1974, Libreria editrice Vaticana, p. 1155. Dẫn theo: Peter Hebblethwaite. *Paul VI. The First Modern Pope*, Harper Collins, London, 1993, tr. 454.

20. Stephen Denney. *US sought Vatican role in Vietnam: documents, forwarded message von Agence France Presse*, April 21, Washington, 2001, p. 1-3.

nhân vật nào mà Ngài lựa chọn để đàm phán về điều kiện tù nhân ở miền Nam Việt Nam<sup>(21)</sup>.

Từ sáng kiến của Tòa Thánh, ngày 1/1/1968 trở thành ngày hòa bình thế giới. Nhân dịp này, người đứng đầu Vatican đề cập tới tình hình Việt Nam. “Trường hợp Việt Nam thê lương cũng đủ cho thấy để có được một nền hòa bình khó như thế nào (...) Nhưng bao giờ hòa bình cũng là điều có thể, bao giờ hòa bình cũng là một bổn phận<sup>(22)</sup>”.

Sau Tết Mậu Thân, Chính quyền Johnson quyết định tích cực tiếp xúc với Hà Nội. Ngày 31/3/1968, Mỹ ngừng ném bom trên toàn miền Bắc Việt Nam để có thể hòa đàm với Hà Nội. Ngày 27/ 4/1968, Tổng thống L. Johnson có buổi làm việc với Thư kí của ông là Joseph A Califano, người có trách nhiệm tiếp xúc với Tổng Giám mục Washington, Luigi Raimondi, Đại diện của Tòa Thánh tại Washington. Theo sự đề nghị của phía Mỹ, Tòa Thánh đứng ra làm trung gian giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Qua Giám mục Raimondi, Giáo hoàng Paul VI đáp lại đề nghị của Tổng thống Mỹ một cách tích cực. Ngày 1/5/1968, người đứng đầu Tòa Thánh gửi một thông điệp tương tự tới Hà Nội. Thông qua Tòa Thánh, những cuộc tiếp xúc giữa đại diện của Mỹ và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ giữa năm 1968 đã được bắt đầu ở Paris theo đề nghị của Hà Nội.

Lập trường đề nghị “hòa bình bằng mọi giá” cho Việt Nam, chứ không phải “hòa bình có điều kiện” như các bên tham chiến và Giáo hội Công giáo miền Nam thời Mỹ-Thiệu duy trì, tiếp tục được Giáo hoàng Paul VI ủng hộ dưới thời Tổng thống Mỹ Richard Nixon. Báo *Người quan sát* (Osservatore Romano) của Tòa Thánh phê phán các bên tham chiến, trong đó có phía Mỹ không tích cực trong

các cuộc hòa đàm ở Paris năm 1969. Tờ báo bình luận: “Những hòa đàm ở Paris hiện chưa tiến triển vì cả hai bên tham chiến vẫn chưa thực sự cởi mở với nhau. Mặc dầu vậy, chúng ta vẫn tin tưởng rằng những cuộc hòa đàm chân thực sẽ thay thế những tuyên truyền hiếu chiến như những người vì chủ nghĩa nhân đạo mong muốn<sup>(23)</sup>”. Giáo hoàng Paul VI khẳng định lập trường không thay đổi của Tòa Thánh đối với chiến tranh Việt Nam trong cuộc tiếp 5 vị Thống đốc Hoa Kỳ tại Vatican ngày 17/ 11/ 1969<sup>(24)</sup>.

Dường như Giáo hoàng Paul VI đã tận dụng mọi cơ hội để kêu gọi hòa bình cho Việt Nam. Trong dịp dự Hội nghị các Giám mục thế giới ở Manila năm 1970, Giáo hoàng Paul VI gửi điện tới Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu kêu gọi hòa bình. Đức Giáo hoàng có nhã ý dừng chân ở cả Hà Nội và Sài Gòn để trực tiếp thuyết phục các bên đi đến các thoả thuận hòa bình<sup>(25)</sup>. Biện pháp của Washington gây sức ép với Hà Nội tại bàn đàm phán bằng việc gia tăng ném bom tháng 12/1972 ở Hà Nội và Hải Phòng bị người đứng đầu Tòa Thánh lên án mạnh mẽ. Hiệp định Paris tháng 1/1973 được Tòa Thánh coi là sự kiện quan trọng để chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Ngày 14/2/1973, người đứng đầu Tòa Thánh đã tiếp kiến các Bộ

21. Lyndon B. Johnson. *Momoiary*, Harper Collins, New York, 1971, tr. 379-380.

22. Paul VI. *Der Frieden ist schwierig*. Neujahrsprache in der Peterkirche am 1. Januar 1968. In: Paul VI. *Frieden als Auftrag, Papst Paul VI, ueber den Frieden* (Hrs. von Sustar Alois), Muenchen, 1968, S. 110-111.

23. *Osservatore Romano*, ngày 14/11/1969.

24. Agency Presse Vatican, 17 November, 1969.

25. Chính phủ Hà Nội đáp lại nhã ý của Giáo hoàng Paul VI muốn dừng chân ở Hà Nội một cách tích cực, nhưng chưa sẵn sàng đón tiếp Giáo hoàng. Để Hà Nội khỏi méch lòng, Giáo hoàng Paul VI cũng không ghé qua Sài Gòn.

trưởng Xuân Thuỷ và Nguyễn Văn Hiếu. Đây là cuộc tiếp xúc đầu tiên của Giáo hoàng với các nhà lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. “Sự hài lòng của Giáo hoàng Paul VI về cuộc gặp chỉ ra rằng Thư chung 1951 nghiêm khắc cấm người Công giáo Việt Nam không được hợp tác với những người cộng sản đã trở thành lỗi thời. Đối với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, cuộc gặp này được coi là sự đảm bảo của họ về tự do tôn giáo”<sup>(26)</sup>.

Kế tiếp đó, lập trường chống cộng và những lời nói hiếu chiến của người đứng đầu chính quyền Sài Gòn tại cuộc gặp Đức Giáo hoàng tháng 4/1973 như bị “giội gáo nước lạnh”, đặc biệt khi bàn về vấn đề tù chính trị ở miền Nam. Trong khi Nguyễn Văn Thiệu khẳng định miền Nam Việt Nam không có tù chính trị, chỉ có hoặc “tù cộng sản” hoặc tù hình sự, thì vị Giáo hoàng đưa ra danh sách tù chính trị gồm những nhân vật đối lập với Thiệu, nhưng không phải là thành viên Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam. Số là trước cuộc gặp, Giáo hoàng Paul VI đã nhận được danh sách tù chính trị ở miền Nam do các phong trào và tổ chức Công giáo cánh tả ở miền Nam thuộc “lực lượng chính trị thứ ba” như Thanh Lao Công, Thanh Sinh Công, Uỷ ban vận động cải thiện chế độ lao tù miền Nam Việt Nam, v.v.. cung cấp<sup>(27)</sup>.

Nhìn chung, lập trường của Giáo hoàng Paul VI ít được hưởng ứng của các bên tham chiến. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chỉ chấp nhận ngừng đấu tranh khi một Việt Nam được thống nhất, có chủ quyền dân tộc và lãnh thổ thống nhất, quân đội nước ngoài phải rút khỏi Việt Nam. Phía Mỹ cũng có những toan tính riêng. Một tài liệu của Nhà Trắng về cuộc trao đổi giữa Bộ trưởng ngoại giao và Tổng thống Johnson xác nhận: “Dean Rusk: “(...) Chúng ta đã thử nghiệm nhiều. Chúng ta đã trao đổi với Đức Thánh Cha, với Tổng Thư kí U Thant, với Liên Hợp

Quốc. Quan điểm của chúng ta hoàn toàn rõ ràng (...) Phía bên kia không đáng quan tâm (...)” Tổng thống: “(...) Hà Nội đang tìm cách buộc chúng ta phải ngừng ném bom Bắc Việt. Chúng ta cứ tiếp tục duy trì cho đến khi đạt được một điều gì đó của Bắc Việt”<sup>(28)</sup>.

Mặc dầu vậy, lập trường của Giáo hoàng Paul VI cổ vũ cho các phong trào vì hòa bình của các tổ chức Công giáo quốc tế, các phong trào phản chiến ở Mỹ và Châu Âu, và các tổ chức cánh tả miền Nam thuộc “lực lượng chính trị thứ ba”. Lập trường này của Tòa Thánh cần được đánh giá trong bối cảnh chiến tranh lạnh. Vatican giữ khoảng cách với Mỹ và phương Tây trong vấn đề hòa bình. Đối với Chính phủ Hà Nội, đây là cơ hội để hai bên hiểu nhau hơn, hạn chế thành kiến của những quan điểm cực tả. Mọi quy kết cho rằng Vatican chỉ là tay sai đắc lực của chủ nghĩa thực dân và đế quốc ít nhất trong vấn đề chiến tranh Việt Nam là chưa sát thực tế, chưa phản ánh hết tính đa diện, phức tạp của mối quan hệ giữa hai thế lực ấy.

Lập trường của Tòa Thánh, nhất là dưới thời Giáo hoàng Paul VI, như vậy, bên cạnh những mặt tiêu cực, còn có một số tác động tích cực nhất định tới tình hình Việt Nam giai đoạn 1954-1975. Đây là một dữ kiện lịch sử để chúng ta nghiên cứu, đánh giá lịch sử mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam và Vatican...

26. *Informations Catholiques Internationales*, Nr. 427, 1/3/1973. tr. 29.

27. Nguyễn Văn Thiệu thất vọng trước lập trường của Tòa Thánh. Xem: *Chuyến công du qua 6 nước và ở Vatican của Tổng thống Việt Nam Cộng hoà*. Trong: *Đối diện*, số 45, ngày 12/4/1973.

28. Summary Notes of 568<sup>th</sup> National Security Council (NSC) Meeting. From Bromley Smith to President on 8 February 1967. In: Barret B. David. *Lyndon B. Johnson's Vietnam Papers: A Documentary Collection*, Texas, 1997, p. 392.